TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC X** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 729/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2025.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Võ Văn Dương.
2/ Ông Nguyễn Văn Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Quang Thị Thùy Ly – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực X, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 454/2025/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 22/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2025/QĐHPT-HNGĐ ngày 07/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Dương Ái N, sinh năm: 1996. (có mặt)
Căn cước công dân số: 079196033458, cấp ngày 10/7/2021.
Thường trú: tổ B, ấp R, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh (nay thuộc xã T, thành phố Hồ Chí Minh)
Địa chỉ: số E đường T, ấp Đ, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh (nay thuộc xã T, thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn:* Phan Văn K, sinh năm: 1994. (vắng mặt)
Căn cước công dân số: 079094033538, cấp ngày 03/8/2021.
Thường trú: ấp R, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh (nay thuộc xã T, thành phố Hồ Chí Minh).
Địa chỉ: số E đường T, ấp Đ, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh (nay thuộc xã T, thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Dương Ái N trình bày:

Bà và ông Phan Văn K tìm hiểu nhau thời gian khoảng hai năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, cưới nhau năm 2016, có tổ chức cưới. Sau khi kết hôn hai vợ chồng

sống chung với cha mẹ chồng, đến năm 2021 thì ra cất nhà ở riêng, chung sống đến năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông K có người phụ nữ khác bên ngoài, không còn quan tâm vợ con,…nên thường xuyên cải vả. Bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàng gắn được nên nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết cho bà ly hôn với ông Phan Văn K.

Về con chung: có 01 con chung tên: Phan Khải H, sinh ngày 07/5/2016. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Đơn khởi kiện, bản tự khai, bản chính giấy kết hôn, bản sao: Căn cước công dân, khai sinh con.

Tại phiên tòa:

Bà N trình bày: Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trong đơn khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu xin ly hôn với ông Phan Văn K. Về con chung tôi yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực X, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Dương Ái N và ông Phan Văn K tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10, ngày 16/02/2016 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà N xin ly hôn với ông K là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà N thì mâu thuẫn giữa bà với ông K là trầm trọng và không thể hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do ông K có người phụ nữ khác bên ngoài, không còn quan tâm vợ con,… Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông K không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: có 01 con chung tên Phan Khải H, sinh ngày 07/5/2016, hiện bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng; Trẻ H1 cũng có nguyện vọng muốn ở với mẹ, nếu ba mẹ ly hôn và bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao trẻ H1 cho bà H2 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N là không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Dương Ái N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Dương Ái N được ly hôn với ông Phan Văn K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 10, ngày 16/02/2016 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà N và ông K không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Phan Khải H, sinh ngày 07/5/2016. Bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N là không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông K.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc bà Nguyễn Dương Ái N phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0064253 ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực X;
- Chi cục THADS Khu vực X;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hùng Vương